

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI Y DƯỢC LINKPHAR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI Y DƯỢC LINKPHAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LINKPHAR PHARMACOLOGY MEDICINE TRADING AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LINKPHAR PHARMACOLOGY MEDICINE TRADING AND TECHNOLOGY.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108660900

**3. Ngày thành lập:** 25/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 44C Ngõ 124 Phố Do Nha, TDP 1 Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2610     |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2620     |
| 3.  | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2680     |
| 4.  | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2817     |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3313     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329     |
| 7.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4620     |
| 8.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4632     |
| 9.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4633     |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn thuốc | 4649     |
| 11. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651     |
| 12. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659        |
| 14. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4741        |
| 15. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4742        |
| 16. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4761        |
| 17. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:- Bán lẻ thuốc<br>- Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình.<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                    | 4772        |
| 18. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5820        |
| 19. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6201(Chính) |
| 20. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6202        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6209        |
| 22. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: - Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, .... từ dữ liệu do khách hàng cung cấp.                                                                                                                                                                                                                                                         | 6311        |
| 23. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310        |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299        |
| 26. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9511        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HÀ THỊ HIẾU       | CH 3220 HH2B<br>Linh Đàm,<br>Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 0361830052<br>26                                                                            |         |
|     |                   |                                                                                                        | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN TẠ     | Thôn Đông Yên, Xã Yên Lâm, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                                      | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 164299396                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                        | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN ĐỨC THUẬN  | Thôn Phượng Trì, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                                 | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 0330850026<br>87                                                                            |         |
|     |                   |                                                                                                        | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN VĂN HIỆP   | Số 44C Ngõ 124 Phố Do Nha, TDP 1 Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 0340890090<br>65                                                                            |         |
|     |                   |                                                                                                        | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG | Thôn Đồng Đức, Xã Thống Kênh, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                                  | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 0300820020<br>07                                                                            |         |
|     |                   |                                                                                                        | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TẠ

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 03/02/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 164299396

Ngày cấp: 18/08/2009

Nơi cấp: Công an Tỉnh Ninh Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đông Yên, Xã Yên Lâm, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đông Yên, Xã Yên Lâm, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội